

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B)

Địa chỉ: tháp B, số A đường T, phường L, quận H, Tp . Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T1, chức vụ: giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đ1 là đại diện theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình T2, chức vụ: Giám đốc phòng G.

• Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1974

Địa chỉ: số B, KP2, phường T, Tp ., tỉnh Đồng Nai.

• Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị D, sinh năm 1951

Địa chỉ: số B, khu phố B, phường T, Tp .

Công ty TNHH S

Địa chỉ: tổ B, khu phố B, phường T, Tp ., tỉnh Đồng Nai.

Do ông Nguyễn Ngọc C, chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc làm đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông [Nguyễn Ngọc C](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng TMCP Đ \(B\)](#) tổng số tiền là: 5.341.205.586 đồng (*năm tỷ ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*). Trong đó, số tiền nợ gốc: 3.880.369.891 đồng, số tiền lãi trong hạn: 1.354.886.279 đồng, số tiền lãi phạt quá hạn: 105.949.416 đồng, tạm tính đến ngày 10/7/2024.

Ông [Nguyễn Ngọc C](#) còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh thỏa thuận theo các: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7162225/HĐTD ngày 03/6/2015, hợp đồng tín dụng số 01/2016/7162225/HĐTD ngày 20/7/2016, hợp đồng tín dụng số 02/2016/9277354/HĐTD ngày 15/12/2016, giữa ông [Nguyễn Ngọc C](#) và [Ngân hàng TMCP Đ \(B\)](#)- [Chi nhánh Đ1](#).

Trường hợp ông [Nguyễn Ngọc C](#) không thể thanh toán được số tiền nêu trên thì [Ngân hàng TMCP Đ](#) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 617249 do [Ủy ban nhân dân T3](#) cấp ngày 10/9/2010, số vào sổ cấp GCN: CH01507, cụ thể như sau: diện tích đất 421,3 m² (mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài), thửa đất số 45, tờ bản đồ số 24, tại [phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#). Cùng tài sản gắn liền với đất: nhà cấp 2 + cấp 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 617249 do [UBND thành phố T3](#) cấp ngày 10/9/2010, cụ thể như sau: diện tích xây dựng: 358,7m², diện tích sàn 562,63 m², kết cấu: Cột BTCT+ gạch, tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT+ tôn, cấp (hạng): cấp 2+ cấp 4, thời hạn sử dụng: Lâu dài, địa chỉ [B, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#). Theo hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/7162225/HĐBĐ ngày 03/06/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2015/7162225 /HĐBĐ ngày 03/06/2015 số 01/2017/7162225/SĐBS, giữa bên thế chấp bà [Trần Thị D](#), bên được bảo đảm ông [Nguyễn Ngọc C](#), bên nhận thế chấp [Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh Đ1](#).

3. Về chi phí tố tụng: Ông [Nguyễn Ngọc C](#) phải trả lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho [Ngân hàng thương mại cổ phần Đ \(B\)](#).

4. Về án phí: Ông [Nguyễn Ngọc C](#) chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 56.670.603 đồng (*năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm lẻ ba đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn [Ngân hàng TMCP Đ](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.480.000 đồng (*năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tại biên lai số 0002278 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Thành;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Doãn Thị Hằng